

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 29/8/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Trung Hiếu.

- Ông Thạch Dương Nhanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 30/2025/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Lê Minh T**, sinh ngày 18/6/2003

Địa chỉ: Ấp T, xã N, Thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng)

- Bị đơn: Ông **Triệu Trấn B**, sinh ngày 02/10/1998

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, Thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp Đ, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng)

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 17/02/2025, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Huỳnh Lê Minh T trình bày: Bà Huỳnh Lê Minh T và ông Triệu Trấn B có tổ chức tiệc cưới năm 2022 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/11/2022, sổ giấy chứng nhận kết hôn: 82. Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2024 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không còn hợp nhau thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình chung sống bà Huỳnh Lê Minh T và ông Triệu Trần B có 01 người con chung tên: Triệu Huỳnh Hương M, sinh ngày 23/3/2024 hiện nay đang sống cùng bà Huỳnh Lê Minh T. Nhận thấy trong thời gian chung sống với nhau giữa bà Huỳnh Lê Minh T và ông Triệu Trần B phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sống ly thân. Bà Huỳnh Lê Minh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Triệu Trần B.

Về con chung: Bà Huỳnh Lê Minh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Triệu Huỳnh Hương M, sinh ngày 23/3/2024 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu ông Triệu Trần B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Triệu Trần B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Triệu Trần B theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Triệu Trần B không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn Huỳnh Lê Minh T. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, bà Huỳnh Lê Minh T yêu cầu ly hôn với ông Triệu Trần B. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Huỳnh Lê Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/11/2022 cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Huỳnh Lê Minh T có kết hôn với bị đơn Triệu Trần B là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Vì vậy, giữa bà Huỳnh Lê Minh T và ông Triệu Trần B đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến bà Huỳnh Lê Minh T và ông Triệu Trần B không còn tiếp tục sống chung với nhau từ năm 2024.

Nguyên đơn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa bà Huỳnh Lê Minh T và ông Triệu Trần B không còn tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Huỳnh Lê Minh T và bị đơn Triệu Trần B thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Huỳnh Lê Minh T đối với bị đơn Triệu Trần B là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà Huỳnh Lê Minh T được ly hôn với ông Triệu Trần B.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Lê Minh T và ông Triệu Trần B có 01 người con chung tên: Triệu Huỳnh Hương M, sinh ngày 23/3/2024 hiện tại cháu đang sống chung với bà Huỳnh Lê Minh T. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn khởi kiện bà Huỳnh Lê Minh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy con tên Triệu Huỳnh Hương M đến thời điểm xét xử chưa đủ tuổi để thể hiện nguyện vọng của mình được sống với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn cháu Triệu Huỳnh Hương M hiện tại sống chung với bà Huỳnh Lê Minh T được bà chăm sóc đảm bảo cuộc sống của các cháu vẫn đảm bảo ổn định phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần. Nhận thấy bà Huỳnh Lê Minh T đảm bảo được cuộc sống của cháu Triệu Huỳnh Hương M vẫn ổn định phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Lê Minh T cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, còn ông Triệu Trần B không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu Triệu Huỳnh Hương M được ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao Triệu Huỳnh Hương M cho bà Huỳnh Lê Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Huỳnh Lê Minh T yêu cầu ông Triệu Trần B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con của bà Huỳnh Lê Minh T là không trái với quy định tại Khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng: Bà Huỳnh Lê Minh T yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Triệu Trần B vắng mặt và không có ý kiến gì về mức cấp dưỡng, các bên không thoả thuận được mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử nhu cầu cuộc sống thực tế của mẹ con bà Huỳnh Lê Minh T, điều kiện kinh tế của ông Triệu Trần B để quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm xã N, thành phố Cần Thơ thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ mỗi tháng là 3.450.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định mức cấp dưỡng cho nuôi con của ông Triệu Trần B là 1.725.000 đồng/tháng. Cụ thể ông Triệu Trần B phải chấp

dưỡng cho cháu Triệu Huỳnh Hương M mỗi tháng là 1.725.000 đồng, cấp dưỡng đến khi cháu Triệu Huỳnh Hương M đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Lê Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn Triệu Trần B phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Khoản 1, Khoản 3 Điều 82, Điều 83, Khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Khoản 1 Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a Khoản 5, điểm an Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Lê Minh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Lê Minh T được ly hôn với ông Triệu Trần B.

2/ Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Lê Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Huỳnh Hương M, sinh ngày 23/3/2024. Trong thời gian bà Huỳnh Lê Minh T nuôi con, không ai có quyền cản trở sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Triệu Trần B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu tên Huỳnh Lê Minh T mỗi tháng là 1.725.000 đồng; Phương thức cấp dưỡng hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi con chung là đến khi cháu Huỳnh Lê Minh T đủ 18 tuổi. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ).

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Lê Minh T và ông Triệu Trần B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008414 ngày 17/02/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ), bà Huỳnh Lê Minh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Buộc ông Triệu Trần B phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng tại (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND tp Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND xã Nhu Gia;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn